

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Dương.

Ông Hồng Chí Tín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST–HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1990 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Vũ Trường G, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1946 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 25/6/2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Vũ Trường G tự tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Vũ Trường G.

Về nuôi con chung: Gồm 01 người tên Trần Như Y, sinh ngày 16/9/2017. Từ khi ly thân cháu Y sống với chị nhưng anh G đến mượn cháu về chơi vài ngày và đến nay không trả, do cháu dưới 36 tháng tuổi nên chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ trả: Trước đây ông C có bảo lãnh cho chị và anh G tham gia chơi hụi do anh Đ làm chủ nay còn nợ tiền hụi chết là 30.000.000 đồng, yêu cầu anh G có trách nhiệm cùng thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền hụi còn nợ.

Đối với bị đơn anh Trần Vũ Trường G đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh G vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại đơn đề nghị vắng mặt đề ngày 06/8/2018 ông Nguyễn Văn C trình bày: Trước đây ông có bảo lãnh cho anh G và chị T tham gia chơi hụi do anh Đ làm chủ do anh G đã hốt và không đóng hụi chết cho anh Đ. Nay anh G và chị T ly hôn ông không yêu cầu anh G và chị T phải thanh toán số tiền còn nợ.

Tại đơn đề nghị vắng mặt và bản tự khai đề ngày 11/9/2018 anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh G và chị T có tham gia chơi hụi do anh làm chủ và đã hốt với số tiền 35.000.000 đồng từ khi hốt đến nay anh G, chị T không đóng hụi chết. Khi hốt hụi thì có ông C bảo lãnh nếu sau này anh G không thanh toán cho anh số tiền còn nợ thì anh sẽ yêu cầu thành vụ án riêng. Do công việc gia đình nên anh xin vắng mặt.

Tại phiên tòa: Chị T bảo lưu quan điểm, riêng đối với cháu Trần Như Y, sinh ngày 16/9/2017 chị T xác định hiện nay đang sống cùng chị. Ông C bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị vắng mặt, anh Trần Vũ Trường G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Vũ Trường G tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27 năm 2018 đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị T nhận thấy cuộc sống của anh chị có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn, anh G không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị T và anh G là có xảy ra, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Xét thấy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị Hồng T, chị T được ly hôn với anh Trần Vũ Trường G.

[3] Về nuôi con chung: Gồm 01 người tên Trần Như Y, sinh ngày 16/9/2017. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Như Y dưới 36 tháng tuổi cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ và chị T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Nên căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Như Y, sinh ngày 16/9/2017. Anh G không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu để cháu Y được phát triển bình thường cần buộc anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Kể từ khi Chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Vũ Trường G chậm thi hành khoản tiền trên cho chị T thì anh G còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ trả: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu

300.000 đồng. Chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005258 ngày 25/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Vũ Trường G phải chịu 300.000 đồng.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ và anh Trần Vũ Trường G.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Hồng T, chị T được ly hôn với anh Trần Vũ Trường G.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Như Y, sinh ngày 16/9/2017. Buộc anh Trần Vũ Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Như Y là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Anh Trần Vũ Trường G không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của Chị Nguyễn Thị Hồng T.

Kể từ khi Chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Vũ Trường G chậm thi hành khoản tiền trên cho chị T thì anh G còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ trả: Không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Hồng T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005258 ngày 25/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Vũ Trường G phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương